

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 874/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Dương P, sinh năm 1985; thường trú: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1985; thường trú: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Định; tạm trú: Tổ 80, khu phố D, phường Đ, thị xã E, tỉnh Bình Dương.

Anh P và chị L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Dương P trình bày:

Anh Nguyễn Dương P và chị Nguyễn Thị Bích L có thời gian tìm hiểu được 04 năm rồi tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01, ngày 09/02/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường Đ, thị xã E, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, anh P làm giám đốc Công ty Dịch vụ

vận tải Tân Minh P, thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Quá trình hai vợ chồng chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc giữa gia đình hai bên, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh P đã bỏ ra ngoài, không sống chung với chị L khoảng 02 năm nay. Anh P xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích L.

Về con chung: Anh P và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Phi N, sinh ngày 19/5/2008 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/11/2016, các con đang sống chung với chị L. Sau ly hôn, anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phi N, giao cháu Nguyễn Quang T cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh P và chị L tự thỏa thuận, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:*

Thông nhất lời trình bày của anh P về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 02 tháng gần đây, chị L phát hiện anh P chung sống với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Chị L không có chứng cứ gì để chứng minh việc anh P ngoại tình. Chị L có khuyên anh P và tha thứ cho việc anh P ngoại tình nhưng anh P không nghe. Chị L vẫn còn tình cảm với anh P và mong muốn anh về đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung. Do đó, chị L không đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Phi N, sinh ngày 19/5/2008 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/11/2016, các con đang sống chung với chị L. Do không đồng ý ly hôn nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của anh P, chị L có ý kiến giao 02 con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện tại chị L không đủ điều kiện nuôi con, chị L làm công nhân lương mỗi tháng được 5.000.000 đồng, chị L đang ở trọ, không có nhà cửa nên việc nuôi dạy con sẽ rất khó khăn.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị L và anh P tự thỏa thuận, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 24/9/2019, cháu Nguyễn Phi N trình bày:* Trường hợp ba mẹ ly hôn, cháu N muốn ở với cả ba và mẹ vì cháu không muốn xa ai.

- *Ngày 23/9/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh Nguyễn Dương P và chị Nguyễn Thị Bích L tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ và được cung cấp như sau:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc anh Nguyễn Dương P, chị Nguyễn Thị Bích L có xảy ra mâu thuẫn trong

gia đình. Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như công việc, thu nhập hay con chung của anh P, chị L nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh P xác định anh P không có mối quan hệ với người phụ nữ khác như chị L trình bày; về điều kiện chăm sóc nuôi dạy con, anh P cũng như chị L hiện tại chưa tạo dựng được nhà ở ổn định; vì vậy sau ly hôn anh P sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về phía chị L không đồng ý ly hôn với anh P, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị L không đồng ý nuôi 02 con chung.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh P, chị L đã trầm trọng, do đó yêu cầu của anh P được ly hôn với chị L là có cơ sở chấp nhận; về con chung, giao con chung Nguyễn Phi N, sinh ngày 19/5/2008 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quang T số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Dương P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con giữa anh P với bị đơn chị Nguyễn Thị Bích L, chị L có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại địa chỉ tổ 80, khu phố D, phường Đ, thị xã E, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Dương P và chị Nguyễn Thị Bích L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01 ngày 09/02/2009 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, anh P và chị L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không tôn trọng và thường xuyên cãi nhau. Chị L cho rằng anh P ngoại tình nhưng chị L tha thứ cho anh P, mong

muốn vợ chồng đoàn tụ. Về phía anh P xác định anh P không ngoại tình, giữa vợ chồng hiện không còn tình cảm, dù đã nhiều lần tạo cơ hội để cùng nhau thay đổi nhưng không có kết quả, anh P cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị L.

Xét thấy, anh P và chị L sống ly thân một thời gian dài, dù đã nhiều lần cố hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hơn nữa, tại buổi làm việc, lấy lời khai ngày 06/9/2019 (bút lục số 22), anh P có hành động bạo lực với chị L, giữa hai bên không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh P yêu cầu được ly hôn với chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh P và chị L có hai con chung là Nguyễn Phi N, sinh ngày 19/5/2008 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/11/2016. Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phi N, giao cháu Nguyễn Quang T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh P đồng ý cấp dưỡng cho cháu T số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Chị L có ý kiến giao hai con chung cho anh P nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L cho rằng hoàn cảnh của chị khó khăn, không có nhà ở, không đủ điều kiện nuôi dạy con nên từ chối việc nuôi con là không phù hợp vì thực tế cả chị L và anh P đều chưa tạo dựng được nhà ở ổn định, mặc khác cha mẹ phải có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ con chưa thành niên. Xét cháu Nguyễn Quang T còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho cháu được phát triển tốt nhất. Sau khi xem xét các điều kiện để đảm bảo việc nuôi dạy, chăm sóc con chung của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung Nguyễn Quang T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Phi N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy các bên đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nhưng anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quang T số tiền 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh P.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Dương P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Dương P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích L (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 09/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện (nay là thị xã) C, tỉnh Bình Định cấp).

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phi N, sinh ngày 19/5/2008 cho anh Nguyễn Dương P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Quang T, sinh ngày 06/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Dương P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Quang T số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Quang T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Bích L có yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Dương P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh Nguyễn Dương P còn phải trả cho chị Nguyễn Thị Bích L khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Dương P và chị Nguyễn Thị Bích L đều có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Dương P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029184 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Dương P còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) .

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã B,
- thị xã C, tỉnh Bình Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trang